

ĐỜI SỐNG TÍN NGƯỠNG TÔN GIÁO

Ở VIỆT NAM HIỆN NAY: GÓC NHÌN TỪ HOẠT ĐỘNG LỄ HỘI

Nguyễn Hoài Sanh*

Trong những năm gần đây, lễ hội thực sự bùng phát ở nước ta, trở thành một hiện tượng nổi bật trong đời sống tinh thần của xã hội. Với tư cách là một hoạt động văn hóa tổng hợp, lễ hội mang trong nó nhiều yếu tố, nhiều thông điệp về đời sống văn hóa tinh thần; về đời sống tín ngưỡng, tôn giáo; về văn hóa xã hội... của người Việt truyền thống và đương đại. Nghiên cứu đời sống tín ngưỡng, tôn giáo ở nước ta hiện nay không thể không nghiên cứu lễ hội; mặt khác, nghiên cứu về lễ hội, không thể không nghiên cứu đến khía cạnh tín ngưỡng, tôn giáo.

Lễ hội nảy sinh từ cuộc sống của cộng đồng xã hội, mang dấu ấn, đặc trưng của truyền thống, phong tục tập quán, phương thức sinh hoạt, sản xuất của con người ở từng thời kì, từng vùng khác nhau. Lễ hội do người dân sáng tạo ra, lễ hội là của người dân, nhằm thỏa mãn những nhu cầu văn hóa, nhu cầu tâm linh và nhu cầu giải trí của người dân. Qua hàng ngàn năm lịch sử, lễ hội đóng vai trò rất quan trọng trong đời sống của nhân dân. Sự tồn tại lâu dài và ảnh hưởng to lớn của lễ hội đối với đời sống của người Việt phản ánh sức sống mãnh liệt của lễ hội. Tuy nhiên, lễ hội ở nước ta cũng có một đời sống với nhiều biến động phức tạp mà nguyên nhân của nó không hẳn chỉ là từ bản thân lễ hội.

Tôi cho rằng, một trong những vấn đề đáng quan tâm trong đời sống lễ hội ở nước ta hiện nay là hiện tượng bùng phát các hoạt động lễ hội. Hiểu theo nghĩa chung nhất, sự bùng phát các lễ hội phản ánh sự ra đời của nhiều lễ hội mà biểu hiện cụ thể là lễ hội được tổ chức ở nhiều nơi, quy mô lớn, kéo dài với sự tham gia ngày càng đông đảo của quần chúng nhân dân. Trên thực tế, sự bùng phát ở đây không phải là sự ra đời của các lễ hội mới (*bài viết không đề cập đến các lễ hội mang tính quảng bá sản phẩm, du lịch hay lễ hội mang tính chất kỉ niệm ngày thành lập hay sự kiện nào đó do chính quyền các cấp tổ chức*), mà là sự phục hồi, làm sống lại, dựng lại các lễ hội truyền thống. Nói như vậy có nghĩa là có những lễ hội tín ngưỡng truyền thống, vì lí do nào đó

*. ThS., Viện Triết học, Đại học Hà Tĩnh.

có thời đã bị lãng quên, đã không được tổ chức, đã không được “sống” trong đời sống nhân dân - những người đã tạo ra nó. Điều đó cũng có nghĩa là, có những giai đoạn đời sống lễ hội thật sự nghèo nàn. Và sự nghèo nàn đó cũng phần nào phản ánh sự nghèo nàn trong đời sống tín ngưỡng, hay ít ra thì cũng phản ánh sự trầm lắng trong đời sống tín ngưỡng của nhân dân ta.

“Lễ hội tín ngưỡng mà chúng tôi quan niệm ở đây là những lễ hội mà trong đó những người đi lễ thể hiện những tín ngưỡng rất đa dạng của mình để cầu mong, để bày tỏ những nguyện vọng hết sức thực tiễn nhằm phục vụ cho cuộc sống của họ”⁽¹⁾. Tuy nhiên, phân biệt như thế cũng chỉ có ý nghĩa tương đối, bởi vì, xét đến cùng, gần như lễ hội nào cũng có yếu tố tín ngưỡng, yếu tố làm nên tính thiêng liêng của lễ hội.

Theo thống kê của Cục Văn hóa Thông tin cơ sở (Ban nếp sống mới TƯ), nước ta hiện có 8.902 lễ hội. Trong đó: 25 lễ hội du nhập từ nước ngoài; 7.005 lễ hội dân gian; 1.399 lễ hội tôn giáo; 409 lễ hội lịch sử cách mạng; 64 lễ hội khác⁽²⁾. Rõ ràng, nước ta có rất nhiều lễ hội. Việc phân chia các loại lễ hội cũng chỉ có tính chất tương đối. Chúng tôi cho rằng, lễ hội dân gian và lễ hội tín ngưỡng tôn giáo có quan hệ chặt chẽ với nhau. Còn nếu xét theo cấu trúc, theo Trần Quốc Vượng, “Lễ hội gồm hai phần vừa tách rời vừa không tách rời nhau: Lễ (nghỉ lễ cúng Thần, Thánh, Phật, Mẫu...) và Hội (tụ hội của một làng hay liên làng (vùng))”⁽³⁾. Trên thực tế, lễ - hội xoắn xuýt hữu cơ với nhau, không thể tách rời. Có thể nói lễ hội nào cũng có yếu tố tín ngưỡng, tôn giáo, phản ánh một đời sống tín ngưỡng tôn giáo; đằng sau sự phục hồi lễ hội chính là việc phục hồi đời sống tín ngưỡng của người Việt. Vai trò của tín ngưỡng trong các lễ hội truyền thống Việt Nam là rất rõ ràng. Có người gọi đó là sự *phục hưng* của tín ngưỡng Việt Nam⁽⁴⁾.

Trong thời gian gần đây, sự bùng phát các hoạt động lễ hội đã được các nhà nghiên cứu quan tâm. Đã có rất nhiều bài viết phân tích, mổ xẻ về lễ hội từ nhiều cách tiếp cận khác nhau, nhất là dưới khía cạnh sự kiện của báo chí. Cũng đã có một số công trình nghiên cứu khá công phu về lễ hội, các khía

¹. Lê Hồng Lý. *Sự tác động của kinh tế thị trường vào lễ hội tín ngưỡng*, Nxb. Văn hóa - Thông tin, H, 2008, tr. 24.

². Dẫn theo Lê Hồng Lý, Sđd, tr. 8.

³. Trần Quốc Vượng. *Mùa xuân và lễ hội Việt Nam*, Tạp chí *Xưa và nay*, số 3, 1994, tr. 9.

⁴. Michio Suenary. “*Sự phục hưng của tín ngưỡng dân gian Việt Nam (trích yếu)*”, Tạp chí *Văn hóa dân gian*, số 3, 1996, tr. 82.

cạnh văn hóa; vai trò của lễ hội; sự biến đổi của lễ hội dưới sự tác động của cơ chế thị trường; vấn đề quản lí lễ hội; các lễ hội cụ thể... cũng đã được nghiên cứu. Các công trình đó đã có một cái nhìn toàn cảnh về lễ hội. Ở đây, từ cách tiếp cận của mình, chúng tôi không đi sâu nghiên cứu về lễ hội, cũng không xem xét một lễ hội cụ thể nào đó mà từ thực tiễn đời sống lễ hội đã và đang diễn ra hết sức sôi động ở nước ta trong thời gian gần đây, chúng tôi sẽ phân tích để chỉ ra một số nét về đời sống tín ngưỡng, tôn giáo của ở nước ta hiện nay được phản ánh qua đời sống lễ hội.

Trước hết, chúng tôi đồng ý với quan điểm của Michio Suenary, Đại học Tổng hợp Tokyo khi ông cho rằng đang có một sự *phục hưng* của tín ngưỡng dân gian ở Việt Nam. Đây là một đặc điểm lớn khi nghiên cứu về đời sống tín ngưỡng, tôn giáo ở nước ta hiện nay. Nói sự *phục hưng* của tín ngưỡng dân gian, trước hết chúng ta thừa nhận có sự phục hồi mạnh mẽ hình thức tín ngưỡng này. Vấn đề là vì sao nó được phục hồi? và trước đó nữa, vì sao nó lại bị mai một?

Trải qua các cuộc chiến tranh khốc liệt, khi mà mọi nguồn lực đều dồn cho chiến tranh, các giá trị sống của cộng đồng đều bị khúc xạ bởi các giá trị, chuẩn mực thời chiến. Người dân dường như tạm gác lại, tạm hi sinh các nhu cầu văn hóa - tâm linh của mình để tất cả cho tiền tuyến vì nhiệm vụ giải phóng dân tộc. Người dân hiểu rằng, nếu mất nước thì tín ngưỡng, văn hóa và lễ hội của mình cũng không thể tồn tại được. Nhưng điều đáng nói là, bản thân lễ hội chỉ thực sự phát huy được vai trò của nó, thỏa mãn được nhu cầu tinh thần của người dân khi nó có đời sống thực, khi nó được tổ chức, được hiện hữu qua đời sống hàng ngày của nhân dân. Vì thế, sau hàng chục năm chiến tranh, sau hàng chục năm không thực sự có lễ hội tín ngưỡng, người dân nhiều nơi gần như đã quen với cuộc sống không có lễ hội. Ở những nơi đó, đời sống tín ngưỡng của người dân cũng trở nên *bàng bạc* (chữ của Đặng Nghiêm Vạn). Điều này còn có nguyên nhân từ những quan niệm ấu trĩ của chính sách quản lí văn hóa, tín ngưỡng của chúng ta sau hòa bình lập lại... Nhất là việc không phân biệt được tín ngưỡng - nhu cầu chính đáng của nhân dân được Hiến pháp, pháp luật thừa nhận với mê tín đã dẫn đến sai lầm hết sức nghiêm trọng: đập phá các đền, chùa, đình, miếu... Tức là lễ hội tín ngưỡng đã không còn không gian để tồn tại. Không còn đình, đền, chùa..., lễ hội tín ngưỡng tổ chức ở đâu? Sự cố kết cộng đồng trở nên lỏng lẻo. Các nhà văn hóa xã, thôn

không phải là các trung tâm văn hóa, không có tính linh thiêng, không có khả năng thu hút người dân tham gia sinh hoạt một cách tự nguyện. Đời sống tinh thần của người dân thật sự nghèo nàn.

Nhưng lễ hội có đời sống riêng của nó, gắn với đời sống của con người. Dần dần người dân nhận ra khoảng trống, sự thiếu hụt trong đời sống tinh thần của mình. Cùng với đường lối đổi mới, kinh tế phát triển, đời sống nhân dân được nâng lên rõ rệt, đời sống tâm linh được quan tâm hơn, lễ hội tín ngưỡng với tư cách là hình thức để người dân bày tỏ niềm tin, nguyện vọng của mình đã từng bước được phục hồi. Những năm gần đây, lễ hội tín ngưỡng thực sự bùng phát, nếu ta so với thời chiến tranh hay những năm đầu thời hậu chiến. Vấn đề phục dựng, tổ chức các lễ hội ngày càng được chính quyền các cấp quan tâm hơn; lễ hội được tổ chức nhiều hơn, quy mô hơn. Cùng với việc phục hồi các lễ hội một cách mạnh mẽ trên phạm vi cả nước, đời sống tín ngưỡng, tôn giáo của người dân theo đó cũng được thể hiện hết sức phong phú. Có thể nói đời sống tín ngưỡng nhờ lễ hội mà được phục hưng, ngược lại lễ hội nhờ có yếu tố tín ngưỡng mà trở nên có sức sống hơn, được nhiều người quan tâm hơn.

Một vấn đề cũng hết sức quan trọng ảnh hưởng mạnh mẽ đến đời sống tín ngưỡng tôn giáo ở nước ta hiện nay, đó là có sự thay đổi lớn trong đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước đối với vấn đề tín ngưỡng, tôn giáo. Đây là vấn đề lớn, trong bài viết này chúng tôi không đi sâu trình bày. Khi chính quyền cho phục dựng lại các di tích lịch sử, xây dựng lại các đền, chùa, tổ chức các lễ hội; khi nâng Giỗ Tổ Vua Hùng thành Quốc Giỗ và lãnh đạo Nhà nước đứng ra làm chủ lễ; khi quan chức Chính phủ tham gia các lễ hội, thực hành các hành vi tín ngưỡng được thông tin một cách công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng chính thống..., thì người dân nhận thức được một thông điệp rõ ràng về một sự cởi mở trong đời sống tín ngưỡng, tôn giáo. Điều đó như là một chất xúc tác làm cho tín ngưỡng trong đời sống nhân dân, vì nhiều lí do khác nhau có một thời gian đã bị kìm nén nay được dịp bùng nổ. Sự phục hưng là ở chỗ đó.

Tình trạng trên đặt ra cho chúng ta nhiều điều đáng suy nghĩ. Lễ hội thì đã có từ xa xưa. Các tín ngưỡng cũng đã tồn tại cùng với nhân dân ta, sao bây giờ lại có những biểu hiện như vậy? Không dễ gì lí giải vấn đề một cách thấu đáo. Cần phải có nhiều cách tiếp cận. Nếu chỉ dừng lại ở chỗ người dân có nhu cầu

tinh thần, tâm linh thì tại sao có hàng chục năm nhu cầu đó không được thể hiện? Ngoài những lí do khách quan đã phân tích, chúng tôi cho rằng, sự biến đổi trên gắn liền với sự thay đổi trong quan hệ của con người cá nhân với vấn đề sở hữu, có một phần nguyên nhân khi chúng ta chuyển sang cơ chế thị trường. Thời bao cấp, tất cả tài sản là của nhà nước, của hợp tác xã. Cái cá nhân của con người đã bị cái xã hội che lấp. Từ đó, ngay việc lo cho tương lai, công việc của mình, dường như người dân cũng không phải lo. Nhà nước lo hộ cá nhân. Tình trạng bao cấp toàn diện của nhà nước đã tạo cho người dân có một tâm lí ỉ lại nặng nề, đến bây giờ vẫn còn chưa xóa bỏ được. Người dân sống trong hoàn cảnh khó khăn nhưng vô lo. Con người, lợi ích cá nhân bị con người, lợi ích tập thể che khuất. Tình trạng đó đã góp phần tạo cho người dân sự an tâm, chính xác là họ không có nhiều thứ để mất, bởi mọi của cải đều của chung. Từ khi đổi mới, người dân được tự chủ trong sản xuất, tự chủ trong cuộc sống. Điều đó đem lại tự do cho cá nhân, lợi ích cá nhân được tôn trọng. Nhưng cũng từ đó, con người cá nhân phải tự lo nhiều hơn. Cái được, mất đến với mọi người một cách thường xuyên hơn và bất định hơn. Người ta được nhiều nhưng cũng có nhiều cái để mất hơn. Đổi mới, thực hiện cơ chế thị trường, người dân được tự do làm ăn, nhưng kèm theo đó là vô số cạm bẫy của cơ chế thị trường. Người dân có nhiều thứ để mất: của cải, địa vị xã hội...; đó là chưa kể tình trạng an sinh xã hội bất an, nhiều nguy cơ đến với con người, được đó mà cũng mất đó rất nhanh chóng; ngay cả tình trạng tai nạn giao thông xảy ra thường xuyên cũng đã khiến người ta bất an, rồi các loại tệ nạn xã hội, sự hủ bại trong quan hệ con người - con người truyền thống bị phá vỡ... Tóm lại, tồn tại xã hội đã thay đổi mạnh mẽ, nên sản xuất xã hội đã thay đổi, người dân đã dần thích nghi nhưng rõ ràng là họ đối mặt với quá nhiều thử thách có tính chất sống còn, những thử thách mà trong thời bao cấp họ không phải đối mặt. Vì thế, họ dựa vào thần linh như là một điều tất yếu.

Tác giả Đinh Gia Khánh cho rằng: “Những sự biến đổi ngày càng tăng trong đời sống xã hội theo hướng kinh tế thị trường đang gây ra một tình trạng đảo lộn trong một số mối quan hệ xã hội. Và sự bột phát của hội lễ dân gian truyền thống cũng như sự phát triển mới của các sinh hoạt cộng đồng của các tập đoàn xã hội khác nhau rất có thể được coi như là những phản ứng không tự giác đối với tình trạng xã hội ấy. Có thể là việc tổ chức các hội lễ dân gian truyền thống và các sinh hoạt cộng đồng kể trên là thuộc số các

giải pháp mà nhân dân muốn đi tìm kiếm khi truy cầu một đời sống tinh thần ổn định hơn, một sự thăng bằng xã hội tốt hơn trong tình trạng xã hội hiện nay”⁽⁵⁾.

Nhưng cũng từ đây, đời sống tín ngưỡng tôn giáo ở nước ta cũng thể hiện những vấn đề, những đặc điểm khá nổi bật mà những người làm công tác nghiên cứu, quản lí không thể không chú ý. Đó là, hiện tượng mê tín trở nên khá phổ biến trong đời sống tín ngưỡng, tôn giáo. Như thế nào là mê tín và mê tín dị đoan cũng là một vấn đề phức tạp. Ở đây chúng tôi không bàn đến khái niệm mà chỉ cố gắng chỉ ra những hiện tượng mà chúng tôi cho là mê tín được thể hiện trong đời sống tín ngưỡng qua các hoạt động lễ hội. Qua các phương tiện thông tin đại chúng, qua thực tế mà chúng tôi đã trực tiếp tham gia, có thể khẳng định rằng, hiện tượng mê tín có thể nói chưa bao giờ trở nên phổ biến như hiện nay. Trong lễ hội, đó là các hiện tượng gắn liền với phần lễ. Người ta chen chúc nhau, dẫm đạp lên nhau để có được ấn của Đền Trần mong cầu quan chức; người ta chen chúc nhau dâng không biết bao nhiêu lễ vật lên Bà Chúa Kho để cầu xin được vay tiền và xin lộc... Ở những lễ hội này, phần lễ thực sự nổi bật, phần hội (như lễ hội đền Bà Chúa Kho) hầu như không có. Đối với các lễ hội ở các đền, chùa, miếu nhỏ ở các làng cũng vậy, yếu tố lễ đóng vai trò quyết định trong việc thu hút người dân. Tâm lí đi lễ để cầu xin được sự bình yên cho từng cá nhân, hạnh phúc cho từng gia đình, sự vững mạnh cho từng dòng họ, sự sinh sôi nảy nở của gia súc, sự bội thu của mùa màng, v.v... vốn dĩ là một điều đáng trân trọng. Đó cũng có thể coi là yếu tố tích cực của lễ hội. Điều đáng bàn là, lợi dụng niềm tin đó của nhân dân, đi kèm theo nhu cầu tâm linh đó của người dân, ở các điểm tổ chức lễ hội, các hoạt động mê tín đã trở nên phổ biến, yếu tố mê tín đã được đẩy lên làm biến dạng các giá trị tốt đẹp của lễ hội. Không dừng lại các hoạt động cầu an, cầu lộc, v.v... các hoạt động bói toán, bùa phép, xin xăm; kể cả hiện tượng đồng cốt diễn ra phổ biến, lộn xộn. Các hoạt động thờ cúng với lễ vật đồ sộ, cách bày tỏ niềm tin tới các đấng được xem là linh thiêng, v.v... mang tính chất thực dụng, lãng phí. Người ta đi lễ để mặc cả với thánh thần, Trời, Phật. Ở đâu cũng có thể thấy người ta ném tiền vung vãi, đội mâm lễ nặng trĩu trên đầu, v.v... rồi khấn Thánh vượt

⁵ Đinh Gia Khánh, Lê Hữu Tầng (chủ biên), *Lễ hội truyền thống trong đời sống xã hội hiện đại*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1996, tr. 25.

ve che chở, nắng thì Thánh che, mưa thì Thánh dấp, v.v... Tình trạng bói toán số mệnh tràn lan. Người ta mặc cả công đức với Trời, Phật, thánh thần bằng cách nhét tiền vào tượng, mua bán lễ vật, khấn vái lung tung. Có người nhận xét: chúng ta đi từ cực tả (chống các hình thức nghi lễ) sang cực hữu (mê tín trầm trọng) cũng không phải là không có lí. Hàng dây lá số tử vi được bày bán, chào mời xô bồ khi chỉ mới đến gần đền, chùa; người ta đốt từng bó nhang lớn với mong muốn đốt càng nhiều thì lời cầu nguyện càng linh thiêng; khấn vái đủ mọi nơi, mọi chỗ, từ hòn đá đến gốc cây, bụi rậm, cấm nhang la liệt..., dán tiền lẻ vào tượng Phật, tượng Bồ Tát, tượng các danh nhân của dân tộc... Để thỏa mãn nhu cầu của những người đi lễ, đã hình thành nên một đội ngũ đông đảo các thầy cúng, khấn thuê, họ trở thành cầu nối giữa các gia chủ với thánh thần; hầu hết trong số họ thường ngày vốn không là thầy cúng. Họ chẳng qua là những thầy cúng ăn theo lễ hội, dĩ nhiên thủ tục thờ cúng của họ không thể gọi là chuẩn mực.

Vậy đâu là nguyên nhân khiến yếu tố mê tín trở nên nổi trội trong đời sống tín ngưỡng thể hiện qua lễ hội? Có nhiều nguyên nhân. Một trong những nguyên nhân quan trọng đó là sự thiếu hiểu biết trong việc thực hành tín ngưỡng. Tâm lí a dua thể hiện khá rõ. Nhiều người đi lễ hội, tham gia các thực hành tín ngưỡng ở những nơi thờ tự các danh tướng, những người có công với nước, v.v... nhưng sự hiểu biết của họ là không nhiều. Có tình trạng phổ biến là người đi lễ hội có rất ít hiểu biết về lễ hội mình đang tham gia, về danh nhân mà mình đang dự lễ tôn vinh tưởng nhớ; tất cả mọi người đều làm một động tác giống nhau là thắp hương, dâng lễ vật, khấn vái (cách khấn vái mỗi người một cách chẳng ai giống ai), cầu tài lộc và... bỏ tiền vào hòm công đức, bỏ càng nhiều thì cho rằng mình càng có lòng thành. Chỉ cần nghe đồn rằng đền này, đền nọ rất linh thiêng là người ta đua nhau đi bằng được, nhất là dịp đầu năm âm lịch. Đối với nhiều người, họ gửi gắm niềm tin của mình đến các thần thánh ở nhiều đền, miếu... khác nhau. Đó là đời sống tín ngưỡng mang rõ màu sắc thực dụng. Có thể nói chưa bao giờ người ta đến với thần linh mang tính thực dụng nhiều như bây giờ. Cái tâm lí cầu xin bổng lộc là hết sức phổ biến đối với những người hành lễ, kể cả họ là người dân thường, người buôn bán, người đang đi học hay là cán bộ, quan chức. Người ta đi lễ để cầu xin nên lễ vật người ta mang theo cũng nhiều, đắt tiền chứ không phải “tùy tâm”, “lễ bạc lòng thành như quan niệm truyền thống”.

Nhiều người cho rằng, dần dần yếu tố lễ trong lễ hội sẽ được giảm bớt đi, thay vào đó là hoạt động hội. Nhưng bằng quan sát của cá nhân, chúng tôi cho rằng, ở nhiều lễ hội, tính chất hội không phải là yếu tố thực sự hấp dẫn người tham gia lễ hội, vì tính chất vui vẻ, hấp dẫn không thực sự thu hút được nhiều người. Ngày nay, người dân có nhiều phương tiện, nhiều cách để giải trí. Ngược lại, người ta tham gia lễ hội vì lí do tâm linh, tín ngưỡng rất đông. Mà cầu xin thì lại mang tính chất cá nhân, gia đình. Vì thế, người tham gia lễ hội đông nhưng tính chất cộng đồng không nổi bật. Người ta chăm chú vào việc thỏa mãn các nhu cầu cá nhân như cúng lễ, cầu xin lộc thánh, giải oan, giải hạn, cầu an... Nếu nói những hiện tượng này là mê tín thì vẫn không phải là sai. Đến các lễ hội chúng ta dễ dàng nhận thấy người ta tranh nhau, chen chúc nhau hết sức lộn xộn (lễ Khai ấn đền Trần, Lễ hội bà chúa Kho, Lễ hội Chùa Hương, Lễ hội Chùa Yên Tử,...) trong một không gian hẹp, tính quy củ, linh thiêng bị vi phạm, người sau vái cả lên đầu người trước.

Những hiện tượng trên dĩ nhiên chưa thể hiện đầy đủ đời sống tín ngưỡng, tôn giáo hiện nay. Nhưng qua hoạt động lễ hội, các đặc điểm trên thể hiện khá rõ nét, đòi hỏi các nhà nghiên cứu có sự lí giải đầy đủ, các nhà quản lí có các giải pháp phù hợp để hoạt động lễ hội thực sự là món ăn tinh thần của đông đảo nhân dân. Nếu làm tốt vấn đề này thì sự phục hưng lễ hội, “phục hưng” *tín ngưỡng dân gian* cũng chính là phục hưng các giá trị văn hóa cổ truyền, có một ý nghĩa quan trọng trong việc duy trì, phát huy truyền thống văn hóa dân tộc trong bối cảnh toàn cầu hóa ngày càng sâu sắc hiện nay./.